**ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN**

1. **Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ (Bài 2)**
2. **Đặc điểm chung của tự nhiên (Bài 6 – 12)**
3. **Sử dụng và bảo vệ tài nguyên (Bài 13 – 15)**

**Nội dung 1 BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ**

**I. Vị trí địa lý**

- Nước ta nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

 - Phần trên đất liền nằm trong khung hệ tọa độ địa lí sau:
+ Điểm cực Bắc ở vĩ độ 230 23’B (tỉnh Hà Giang).
+ Điểm cực Nam ở vĩ độ 80 34’B (tỉnh Cà Mau).
+ Điểm cực Tây ở kinh độ 1020 09’Đ (tỉnh Điện Biên).
+ Điểm cực Đông ở kinh độ 1090 24’Đ (tỉnh Khánh Hòa).
– Trên vùng biển, các đảo kéo dài tới tận khoảng vĩ độ 60 50’B, và từ kinh độ 1010 Đ đến 1170 20’Đ tại Biển Đông.
– Việt Nam nằm trên lục địa Á – Âu , tiếp giáp với biển Đông thông ra Thái Bình Dương. Đại bộ phận nước ta nằm trọn trong khu vực múi giờ thứ 7.

**II. Phạm vi lãnh thổ**

**1. Vùng đất**

- Toàn bộ đất liền và các đảo có tổng diện tích là 331.212 km2, đường biên giới đất liền dài 4600 km, đường bờ biển dài 3.260 km.

- Nước ta có hơn 4000 đảo lớn nhỏ, hai quần đảo lớn là Hoàng Sa (Đà Nẵng) và Trường Sa (Khánh Hòa).

**2. Vùng biển**

- Bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về KT và thềm lục địa.

- Diện tích vùng chủ quyền trên biển của nước ta khoảng 1 triệu km2 ở biển Đông.

**3. Vùng trời**

- Là khoảng không gian không giới hạn độ cao, bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

**III. Ý nghĩa của vị trí địa lý Việt Nam**

**1. Ý nghĩa tự nhiên**

- Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Nước ta nằm ở vị trí có tài nguyên khoáng sản và tài nguyên sinh vật phong phú.

- Vị trí và hình thể nước ta đã tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên.

- Nước ta nằm trong vùng có nhiều thiên tai trên thế giới như bão, lũ lụt, hạn hán…

**2. Ý nghĩa kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng**

**- Về kinh tế:** Nước ta nằm trên ngã tư đường hàng hải vả hàng không quốc tế; cửa ngõ mở lối ra biển của Các nước Lào, Thái Lan, Đông Bắc Campuchia và miền Nam Trung Quốc thuận lợi phát triển kinh tế, thực hiện chính sách mờ cửa, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.

**- Về văn hóa- xã hội**, vị trí thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

**- Về an ninh, quốc phòng**, nước ta có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng ở vùng Đông Nam Á. Biển Đông đối với nước ta là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

**Nội dung 2 ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN**

**1. Đất nước nhiều đồi núi (Bài 6, 7)**

**2. Thiên nhiên chịu ảnh hương sâu sắc của biển (Bài 8)**

**3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (Bài 9, 10)**

**4. Thiên nhiên phân hóa đa dạng (Bài 11, 12)**

**BÀI 6, 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**

**1. Đặc điểm chung của địa hình**

- Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp

 + Đồi núi chiếm ¾ diện tích lãnh thổ, đồng bằng chỉ chiếm ¼ diện tích.

 + Địa hình đồng bằng và đồi núi thấp chiếm 85% diện tích, núi cao chỉ chiếm 1% diện tích lãnh thổ.

- Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng:

 + Có tính phân bậc rõ rệt theo độ cao, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam và phân hóa đa dạng.

 + Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính:

* + Hướng tây bắc – đông nam: vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.
	+ Hướng vòng cung: vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam.

- Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. Biểu hiện rõ ở sự xâm thực mạnh ở vùng đồi núi, bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.

- Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người. Con người làm giảm diện tích rừng tự nhiên dẫn đến quá trình xâm thực, bóc mòn ở đồi núi tăng; tạo nên nhiều dạng địa hình mới như đê sông, đên biển.

**2. Các khu vực địa hình**

**a. Khu vực đồi núi**

**\*Vùng núi Đông Bắc**: Nằm ở tả ngạn sông Hồng.

 - Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

 - Có 4 cánh cung núi lớn chụm đầu ở Tam Đảo, mở ra về phía bắc và phía đông: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn và Đông Triều.

 - Hướng núi và thung lũng sông: vòng cung

 - Địa hình thấp dần từ phía tây bắc xuống đông nam.

**\*Vùng núi Tây Bắc**: Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

 - Có địa hình cao nhất nước ta.

 - Có 3 dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc – đông nam:

 + Phía đông là dãy Hoàng Liên Sơn chạy từ biện giới Việt – Trung tới khuỷu sông Đà.

 + Phía tây là địa hình núi trung bình của các dãy núi chạy dọc theo biên giới Việt – Lào từ Khoan La San đến sông Cả.

 + Ở giữa thấp hơn là các dãy núi, sơn nguyên, cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu tiếp nối với những đồi núi đá vôi ở Ninh Bình – Thanh Hóa.

 + Hướng núi và các thung lũng sông: tây bắc - đông nam như sông Đà, sông Mã, sông Chu.

**\*Vùng núi Trường Sơn Bắc**: Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.

- Gồm nhiều dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc- đông nam.

- Thấp và hẹp ngang

- Được nâng cao ở hai đầu (phía bắc là vùng núi Tây Nghệ An và phía Nam là vùng núi Tây Thừa Thiên – Huế), ở giữa thấp trũng (vùng đá vôi Quảng Bình và vùng đồi núi thấp Quảng Trị).

**\*Vùng núi Nam Trường Sơn**: Từ Bạch Mã đến cực Nam Trung Bộ

- Gồm các khối núi và cao nguyên.

- Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ nghiêng dần về phía đông liền kề với dải đồng bằng hẹp.

- Phía Tây là các cao nguyên khá bằng phẳng, có các độ cao khoảng 500 - 800 - 1000 m như Plâycu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Di Linh và các bán bình nguyên xen đồi… tạo nên bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông – Tây của vùng Trường Sơn Nam.

**\* Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du**

- Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng nước ta.

- Bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở Đông Nam Bộ với bậc thềm phù sa cổ cao khoảng 100m và bề mặt phủ badan ở độ cao khoảng 200m.

- Địa hình đồi trung du rộng nhất nằm ở rìa phía bắc và phía tây đồng bằng sông Hồng và thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung được hình thành chủ yếu do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.

**b. Khu vực đồng bằng**

**\*Đồng bằng châu thổ sông:** gồm đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên một vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

**- Đồng bằng sông Hồng**

+ Được bồi tụ bởi phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình.

+ Diện tích: khoảng 15 nghìn km2.

+ Địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển và bị chia cắt thành nhiều ô.

+ Do có đê ven sông ngăn lũ nên vùng trong đê không được bồi tụ phù sa hằng năm, tạo thành các khu ruộng cao bạc màu và các ô trũng ngập nước; vùng ngoài đê được phù sa bồi tụ hằng năm.

**- Đồng bằng sông Cửu Long (Tây Nam Bộ)**

+ Được bồi tụ phù sa hằng năm của hệ thống sông Mê Công.

+ Diện tích: khoảng 40 nghìn km2.

+ Địa hình thấp và bằng phẳng. Trên bề mặt đồng bằng có mạng lưới sông ngòi và kênh rạch chằng chịt. Mùa lũ, nước ngập trên diện rộng, còn về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm cho gần 2/3 diện tích đồng bằng là đất mặn, đất phèn.

+ Đồng bằng có các vùng trũng lớn như Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên… vẫn được bồi lấp hàng năm.

**\* Đồng bằng ven biển:** Dải đồng bằng ven biển miền Trung

- Biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành nên đất thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

- Tổng diện tích chỉ khoảng 15 nghìn km2

- Đồng bằng phần nhiều hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. Chỉ có một vài đồng bằng được mở rộng ở các cửa sông lớn như đồng bằng Thanh Hóa, Nghê An, Tuy Hòa.

- Ở nhiều đồng bằng thường có sự phân chia làm 3 dải: giáp biển là cồn cát, đầm phá; giữa là vùng thấp trũng; dải trong cùng đã được bồi tụ thành đồng bằng.